TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Tình

Bà Trần Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa****:* Bà Nguyễn Diệu Ny - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc: *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1032/2026/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1983; CCCD số 048083005573, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 27/8/2021; địa chỉ: Số G, tổ C, phường A, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; CMND số 201707747; nơi cư trú cuối cùng: Tổ C, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2026, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng) vào tháng 4 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ C, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống và bà T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ

đó đến nay không rõ tin tức gì, mặc dù bản thân ông và gia đình đã tìm kiếm khắp nơi, kể cả đăng tin trên đài truyền hình để tìm người thân nhưng vẫn không có tin tức gì của bà T. Đến ngày 24/12/2019 ông có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng giải quyết tuyên bố mất tích đối với bà T, ngày 13/5/2020, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã giải quyết tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2020/QĐST-DS. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T để ông lập gia đình mới và ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Ông và bà T không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông và bà T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông và bà T không có nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị T (thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,…) nhưng bà T không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Nguyễn Văn D; về con chung không có nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung ông D xác định không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị T, nơi cư trú cuối cùng là tổ C, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng). Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Ly hôn*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T vắng mặt tại phiên họp về việc tiếp cận, công khai, chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ 2. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng) vào tháng 4 năm 2010, nên hôn nhân của ông D và bà T là hợp pháp. Theo trình bày của ông D sau khi kết hôn vợ chồng ông sống tại tổ C, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng) hạnh phúc đến tháng 01 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống và bà T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ đó đến nay không rõ tin tức gì, mặc dù ông và gia đình đã tìm kiếm khắp nơi, kể cả đăng tin trên đài truyền hình để tìm bà T nhưng vẫn không có tin tức gì của bà T. Đến ngày 24/12/2019 ông có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng giải quyết tuyên bố mất tích đối với bà T. Ngày 13/5/2020, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã giải quyết và tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2020/QĐST-DS. Nay ông D không còn tình cảm với bà T nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T để ông lập gia đình mới và ổn định cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, bà T đều vắng mặt (*do bà T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).* Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông D và bà T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và bà T đã bỏ đi khỏi nơi cú trú cuối từ tháng 01/2016, đến ngày 24/12/2019 ông D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Sơn Trà giải quyết tuyên bố mất tích đối với bà T, ngày 13/5/2020, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã giải quyết và tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích và đến thời điểm ông D có đơn yêu cầu ly hôn thì ông D cũng không có tin tức gì của bà T. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông D được ly hôn với bà T, là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

[2.2] Về con chung: Ông D, bà T không có chung, nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12

2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D về việc *"Ly hôn"* đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị T

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn)* đồng ông D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003188 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17-8-2026); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 2-Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 2-Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải, Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Vân